

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các nội dung sau:

1. Sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất, công trình khác gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất) do đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này quản lý, sử dụng, trừ nhà, đất không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Xử lý chuyên tiếp việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất do đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này quản lý, sử dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại Chương II Nghị định này bao gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ

chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách áp dụng cơ chế tài chính hoặc chế độ quản lý, sử dụng tài sản như đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất như quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất hình thành từ quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện theo cơ chế tài chính của quỹ, không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối tượng áp dụng quy định về xử lý chuyển tiếp việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại Chương III Nghị định này bao gồm:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng;

b) Doanh nghiệp; ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, Ngân hàng Phát triển Việt Nam; các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách áp dụng cơ chế tài chính hoặc chế độ quản lý, sử dụng tài sản như doanh nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp) thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Chương II

SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 3. Nhà, đất không thực hiện sắp xếp lại, xử lý

1. Nhà, đất do các đối tượng sau đây quản lý, sử dụng:

a) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định này;

b) Các đối tượng khác ngoài đối tượng quy định tại điểm a khoản này, khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

c) Việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất do các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản này thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này quản lý, sử dụng gồm:

a) Nhà, đất mà nhà hoặc đất hoặc cả nhà và đất thuộc trường hợp thuê, thuê lại, nhận góp vốn, nhận giữ hộ, mượn của các đối tượng khác, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

b) Đất, tài sản gắn liền với đất thuộc: nhóm đất nông nghiệp; nhóm đất chưa sử dụng; đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (bao gồm cả hạng mục công trình phục vụ cho việc khai thác, chế biến khoáng sản gắn với khu vực khai thác và hành lang bảo vệ an toàn cho việc khai thác khoáng sản); đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, hoạt động tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu giữ tro cốt; đất có mặt nước chuyên dùng, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Đất, tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả trụ sở, văn phòng làm việc và các công trình khác xây dựng trên đất) sử dụng vào mục đích công cộng thuộc: đất công trình giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không); đất công trình thủy lợi; đất công trình cấp nước, thoát nước; đất công trình phòng, chống thiên tai; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; đất công trình xử lý chất thải; đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng; đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; đất chợ; đất cảng cá, bến cá, cảng cạn; đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (bao gồm nhà văn hóa, câu lạc bộ, nhà sinh hoạt cộng đồng, sân vận động, sân thể thao xã, thôn, tổ dân phố, khu dân cư và tương đương); đất công trình công cộng khác theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

d) Đất, tài sản gắn liền với đất thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; trường hợp nhà, đất vừa thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, vừa thuộc trường hợp thu hồi nhà, đất theo quy định tại Điều 11 Nghị định này thì thực hiện thu hồi đất và xử lý nhà, đất sau thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Đất (bao gồm tài sản gắn liền với đất) thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về đất đai; đất (bao gồm tài sản gắn liền với đất) giao cho tổ chức phát triển quỹ đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

e) Nhà, đất giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác, trừ nhà, đất quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

g) Đất, nhà, tài sản gắn liền với đất thuộc: nhà chung cư, nhà ở thương mại, nhà ở công vụ, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở khác thuộc tài sản công, nhà lưu trú công nhân, nhà ở sinh viên tập trung theo quy định của pháp luật về nhà ở; quỹ nhà, đất tiếp nhận từ dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án phát triển đô thị bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật;

h) Nhà, đất mà nhà hoặc đất hoặc cả nhà và đất được hình thành từ nguồn quỹ phúc lợi được cơ quan, người có thẩm quyền quy định, quyết định hoặc phê duyệt đề án áp dụng hoặc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp; quỹ công đoàn của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

i) Nhà, đất không phải thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định hoặc quyết định của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;

k) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất căn cứ hồ sơ, tài liệu liên quan (thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; giấy tờ chứng minh nguồn gốc hình thành tài sản, tài liệu liên quan khác) để xác định và chịu trách nhiệm về việc xác định nhà, đất không thực hiện sắp xếp lại, xử lý quy định khoản này. Việc quản lý, sử dụng, xử lý đối với nhà, đất quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản này thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

3. Nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này quản lý, sử dụng trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Nhà, đất thuộc tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng, xử lý đối với nhà, đất thuộc tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) và pháp luật khác có liên quan;

b) Đất quốc phòng, đất an ninh đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đất giao cho địa phương để làm nhà ở hoặc đã bố trí làm nhà ở, có khuôn viên độc lập hoặc có thể tách biệt khỏi khuôn viên cơ sở nhà, đất, có lối đi riêng mà nhà và tài sản gắn liền với đất đó không phải là tài sản công hoặc đã được thanh lý, hóa giá thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tiếp nhận, quản lý, xử lý đối với nhà, đất này theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

c) Nhà, đất đang sử dụng để liên doanh, liên kết mà Hợp đồng đã ký phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết thì thực hiện theo Hợp đồng đã ký; trong thời gian liên doanh, liên kết (bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng) thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này; sau khi kết thúc hoặc chấm dứt việc liên doanh, liên kết mà nhà, đất và đối tượng được giao quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

d) Đất, nhà gắn liền với đất mà đất đó đã hết thời hạn giao đất, cho thuê đất thì xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai; trường hợp đất gắn liền với nhà được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà sau khi gia hạn nhà, đất đó và đối tượng được gia hạn sử dụng đất thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

đ) Nhà, đất đang trong quá trình tố tụng, thi hành án, giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo về đất đai, thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc bản án về việc thu hồi thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này; trường hợp sau khi có hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam, quyết định thi hành án, quyết định giải quyết tranh chấp, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo về đất đai, giải quyết các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc bản án của cơ quan, người có thẩm quyền mà nhà, đất đó và đối tượng được quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

e) Nhà, đất bị lấn, chiếm (bao gồm trường hợp bị lấn, chiếm một phần) thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này; cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự, pháp luật khác có liên quan. Sau khi hoàn thành việc xử lý và thu hồi lại nhà, đất bị lấn, chiếm mà nhà, đất đó thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất bị lấn, chiếm phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về tình hình xử lý việc lấn, chiếm và trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến việc phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý việc lấn, chiếm.

Tổ chức, cá nhân lấn, chiếm hoặc để nhà, đất bị lấn, chiếm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự theo quy định của pháp luật. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tiếp nhận, thụ lý, giải quyết việc lấn, chiếm theo thời hạn và theo quy định của pháp luật;

g) Nhà, đất là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước nhưng chưa hoàn thành việc bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này. Sau khi hoàn thành việc bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật mà nhà, đất đó và đối tượng được giao quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng

quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

h) Nhà, đất thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; nhà, đất trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động theo quyết định hoặc phương án, đề án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; nhà, đất chưa được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhưng có nhu cầu điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý của một bộ, cơ quan trung ương, địa phương thì thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Sau khi hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận, cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận nhà, đất có trách nhiệm kê khai, báo cáo để sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

i) Nhà gắn liền với đất chưa hoàn thành việc giải phóng mặt bằng (bao gồm trường hợp chưa hoàn thành một phần diện tích đất) thì sau khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, bàn giao đầy đủ diện tích đất cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mà nhà, đất thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

k) Nhà, đất của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được Nhà nước giao bằng hiện vật hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước nhưng trong quá trình sử dụng đã thực hiện thanh lý, phá dỡ toàn bộ nhà và đầu tư mới nhà gắn liền với đất bằng nguồn vốn không từ ngân sách nhà nước và thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này. Việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức;

l) Nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này đã được phê duyệt phương án sắp xếp hoặc xử lý theo các hình thức ngoài các hình thức quy định tại Điều 9 Nghị định này thì không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Chương II Nghị định này; trừ các trường hợp được xử lý chuyển tiếp theo quy định tại Chương III Nghị định này. Việc quản lý, xử lý nhà, đất đó được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất là tập hợp các đề xuất về hình thức xử lý nhà, đất để trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Đối với mỗi phương án sắp xếp lại, xử lý của từng cơ sở nhà, đất phải xác định cụ thể cơ sở đề xuất phương án phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 10,

khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

2. Việc xác định đối tượng và nhà, đất để sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp một cơ sở nhà, đất giao cho một cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý với nhiều đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này sử dụng thì giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý đó kê khai, báo cáo để sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

b) Trường hợp giao cho một cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này thực hiện quản lý nhiều cơ sở nhà, đất để bố trí cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này sử dụng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý nhà, đất thực hiện kê khai, báo cáo để sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

c) Trường hợp một cơ sở nhà, đất do nhiều đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này quản lý, sử dụng mà phân chia được diện tích nhà, đất thì phần nhà, đất do đối tượng nào quản lý, sử dụng thì đối tượng đó thực hiện kê khai, báo cáo để sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp không phân chia được diện tích nhà, đất thì bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho một cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này sử dụng nhà, đất thực hiện kê khai, báo cáo để thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này;

d) Nhà, đất mà cả nhà và đất đều thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý đồng thời cả nhà và đất;

đ) Nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này quản lý, sử dụng mà đất hoặc nhà hoặc một phần diện tích nhà, đất hoặc một phần diện tích đất hoặc một phần diện tích nhà thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này thì chỉ sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này đối với phần diện tích nhà, đất hoặc phần diện tích đất hoặc phần diện tích nhà đó; phần diện tích nhà, đất còn lại thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

e) Trường hợp một cơ sở nhà, đất áp dụng nhiều hình thức xử lý thì xác định cụ thể diện tích đất, diện tích nhà theo từng hình thức xử lý;

g) Trường hợp nhà, đất do đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý, sử dụng được phê duyệt theo các hình thức (phương án) ngoài hình thức giữ lại tiếp tục sử dụng, tạm giữ lại tiếp tục sử dụng thì phải có quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền loại nhà, đất đó ra khỏi biên chế tài sản của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân trước khi tổ chức xử lý nhà, đất.

3. Cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được quy định như sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, cơ quan trung ương của các tổ chức (tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội), Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là bộ, cơ quan trung ương) giao cơ quan quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công hoặc các cơ quan, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương lập, điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) giao cho Sở Tài chính lập, điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này (bao gồm cả nhà, đất trên địa bàn địa phương khác) thuộc phạm vi quản lý của địa phương hoặc giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) lập, điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này (bao gồm cả nhà, đất trên địa bàn địa phương khác) thuộc phạm vi quản lý.

4. Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của bộ, cơ quan trung ương được lập đối với các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của địa phương được lập theo từng sở, ban, ngành cấp tỉnh, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

5. Căn cứ tình hình thực tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, việc lập, tổng hợp, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất có thể được thực hiện thành nhiều đợt.

Điều 5. Báo cáo kê khai, đề xuất, tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng hoặc quản lý thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này (trừ các cơ sở

nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý hoặc xử lý theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không thuộc trường hợp thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Điều 17 Nghị định này) kèm bản sao các hồ sơ pháp lý về nhà, đất và giấy tờ có liên quan đến phương án đề xuất của từng cơ sở nhà, đất để:

a) Gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét sự phù hợp của phương án; tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý theo thẩm quyền;

b) Báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý (trong trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên).

2. Việc lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện theo Mẫu số 01a, Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai, hồ sơ pháp lý về nhà, đất và hồ sơ khác phục vụ việc tổng hợp, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. Trường hợp các hồ sơ pháp lý về nhà, đất không có hoặc có nhưng bị thất lạc thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất có văn bản xác nhận về việc này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận của mình; văn bản xác nhận được thay thế cho các hồ sơ không có hoặc bị thất lạc để phục vụ việc tổng hợp, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Cơ quan quản lý cấp trên (cơ quan tổng hợp) tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm xem xét sự phù hợp của phương án, rà soát, đối chiếu hồ sơ pháp lý và các thông tin trong Báo cáo kê khai bảo đảm đầy đủ, chính xác; thời hạn rà soát, đối chiếu tối đa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

3. Trường hợp trong quá trình thực hiện các bước sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (tổng hợp đề xuất phương án, kiểm tra hiện trạng, lập phương án) nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án mà có thay đổi thông tin về tên của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng hoặc cơ quan quản lý cấp trên, thay đổi địa chỉ nhà, đất, diện tích nhà, đất và các nguyên nhân khác cần phải điều chỉnh lại thông tin hoặc phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất cho phù hợp thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất, cơ quan tổng hợp thực hiện điều chỉnh lại thông tin hoặc điều chỉnh lại đề xuất phương án, gửi cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này để điều chỉnh thông tin hoặc phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; không phải thực hiện lại các bước đã thực hiện.

Điều 6. Kiểm tra hiện trạng, lập phương án, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý

1. Cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này đồng thời là cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất. Trường hợp bộ, cơ quan trung ương giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc phạm vi quản lý (không phải là cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này) chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất thì việc giao nhiệm vụ chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất được thực hiện bằng văn bản và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) để biết, phối hợp, thực hiện. Việc tổ chức kiểm tra hiện trạng nhà, đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kiểm tra hiện trạng và gửi bản chính Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất cùng với Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tới cơ quan tổng hợp (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc tới cơ quan có thẩm quyền lập phương án (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp);

b) Trường hợp bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất cho cơ quan tổng hợp thì cơ quan tổng hợp có trách nhiệm tổ chức kiểm tra hiện trạng và gửi bản chính Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất cùng với Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tới cơ quan tổng hợp tiếp theo (nếu có) hoặc tới cơ quan có thẩm quyền lập phương án (nếu không có cơ quan tổng hợp tiếp theo);

c) Trường hợp cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng đồng thời là cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý thì việc kiểm tra hiện trạng nhà, đất được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền lập phương án nhận được Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp);

d) Trường hợp bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất cho cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thời điểm thực hiện kiểm tra và quy trình gửi Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định;

đ) Cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của địa phương (nơi có nhà, đất) để kiểm tra hiện trạng nhà, đất. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giao các cơ quan chức năng của địa phương

phối hợp với cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất của trung ương thực hiện kiểm tra hiện trạng nhà, đất. Việc kiểm tra hiện trạng nhà, đất được lập thành Biên bản đối với từng cơ sở nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đồng thời là cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất thì trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng nhà, đất và Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp), cơ quan có thẩm quyền lập phương án có trách nhiệm lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo bộ, cơ quan trung ương để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất). Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của bộ, cơ quan trung ương về việc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) có ý kiến về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong đó nêu rõ ý kiến của bộ, cơ quan trung ương về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm b khoản này): 01 bản chính;

b) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

c) Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất: 01 bản sao.

3. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất không đồng thời là cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất thì sau khi nhận được Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp) và Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất, cơ quan có thẩm quyền lập phương án có trách nhiệm báo cáo bộ, cơ quan trung ương để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất). Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) có trách nhiệm có ý kiến cụ thể bằng văn bản đối với phương án sắp xếp lại, xử lý của từng cơ sở nhà, đất (trong đó bao gồm ý kiến về việc có cơ sở nhà, đất nào thuộc các trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai quy định tại điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định này hay không). Trường hợp bộ, cơ quan trung ương gửi lấy ý kiến về phương án sắp xếp lại, xử lý của nhiều cơ sở nhà, đất (từ 10 cơ sở nhà, đất trở lên) hoặc nhà, đất có nguồn gốc và quá trình sử dụng phức tạp thì thời hạn có ý kiến có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này; trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh phải có văn bản thông báo cho bộ, cơ quan trung ương gửi lấy ý kiến được biết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa có ý kiến bằng văn bản thì cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương để xem xét, phê duyệt phương án theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này. Trong văn bản đề nghị phê duyệt phương án hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phải nêu rõ quá trình lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý của địa phương nếu phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được phê duyệt không phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất hoặc kể từ ngày hết thời hạn có ý kiến (trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà, đất không có ý kiến theo thời hạn quy định), cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này hoàn thiện phương án, lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản của cơ quan lập phương án về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong đó nêu rõ có hoặc chưa có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà, đất và quá trình lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh): 01 bản chính;

b) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

c) Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản sao;

d) Ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) (trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có ý kiến): 01 bản chính;

đ) Hồ sơ pháp lý về nhà, đất của từng cơ sở nhà, đất hoặc Văn bản xác nhận về việc không có hồ sơ pháp lý hoặc có nhưng bị thất lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản sao;

e) Hồ sơ liên quan đến phương án (hình thức) sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản sao;

g) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

6. Căn cứ hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản chính;

Hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này: 01 bản sao.

b) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này;

d) Xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

7. Căn cứ hồ sơ đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định tại điểm b, điểm c khoản 6 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản chính;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều này: 01 bản sao;

b) Phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

8. Căn cứ đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định tại điểm a khoản 6 Điều này, điểm a khoản 7 Điều này, Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

9. Văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện bằng hình thức Quyết định hành chính. Nội dung chủ yếu của văn bản phê duyệt phương án gồm:

a) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất;

b) Danh mục nhà, đất (địa chỉ nhà, đất; diện tích đất, diện tích nhà (diện tích xây dựng, diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn sử dụng));

c) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất;

d) Trách nhiệm quyết định xử lý và tổ chức thực hiện.

10. Trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị định này phê duyệt theo các hình thức thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các Điều 11, 12 và 13 Nghị định này quyết định xử lý nhà, đất. Việc quyết định xử lý nhà, đất được thực hiện bằng hình thức Quyết định hành chính. Một Quyết định có thể xử lý cho từng cơ sở nhà, đất hoặc nhiều cơ sở nhà, đất.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý nhà, đất thì việc ban hành Quyết định xử lý được thực hiện đồng thời với việc ban hành văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất không đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý nhà, đất thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này có trách nhiệm gửi 01 bản chính văn bản phê duyệt phương án (kèm theo bản sao các hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này và bản sao văn bản của bộ, cơ quan trung ương quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều này) tới cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý nhà, đất để ban hành Quyết định xử lý. Việc ban hành Quyết định xử lý được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền lập phương án gửi.

Không phải ban hành Quyết định xử lý nhà, đất đối với nhà, đất được xử lý theo hình thức giữ lại tiếp tục sử dụng hoặc tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

Điều 7. Kiểm tra hiện trạng, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý

1. Cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này đồng thời là cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Sở Tài chính lập phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương quản lý, sử dụng (bao gồm cả nhà, đất trên địa bàn địa phương khác) thì căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì kiểm tra hiện trạng hoặc giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Việc giao cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng được thực hiện bằng văn bản và gửi đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị

liên quan để biết, phối hợp, thực hiện. Việc tổ chức kiểm tra hiện trạng nhà, đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng đồng thời là cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thì việc kiểm tra hiện trạng nhà, đất được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền lập phương án nhận được Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp);

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan tổng hợp) chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thì cơ quan tổng hợp có trách nhiệm tổ chức kiểm tra hiện trạng và gửi Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất cùng với Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tới cơ quan có thẩm quyền lập phương án;

c) Cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan của địa phương thực hiện kiểm tra hiện trạng nhà, đất; việc kiểm tra hiện trạng nhà, đất được lập thành Biên bản đối với từng cơ sở nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Đối với nhà, đất trên địa bàn địa phương khác thì việc kiểm tra hiện trạng sử dụng nhà, đất thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đồng thời là cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất thì trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng nhà, đất và Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp), cơ quan có thẩm quyền lập phương án có trách nhiệm lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp cơ quan lập phương án là Sở Tài chính) hoặc gửi Sở Tài chính (trong các trường hợp còn lại) để Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án gồm:

a) Văn bản của cơ quan lập phương án về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản chính;

b) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi đã hoàn thiện: 01 bản chính;

c) Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

d) Hồ sơ pháp lý về nhà, đất của từng cơ sở nhà, đất hoặc Văn bản xác nhận về việc không có hồ sơ pháp lý hoặc có nhưng bị thất lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị: 01 bản sao;

đ) Hồ sơ liên quan đến phương án (hình thức) sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản sao;

e) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

3. Căn cứ hồ sơ đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản chính;

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

b) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này;

d) Xem xét, phê duyệt phương án đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định này;

đ) Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn địa phương khác trước khi phê duyệt phương án theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. Thời hạn có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) trong trường hợp không có ý kiến đúng hạn thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này. Tại văn bản đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, điểm b khoản này phê duyệt phương án phải nêu rõ có hoặc chưa có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) và quá trình lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất); trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) đã có ý kiến thì trong hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án phải có bản chính văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất).

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất không đồng thời là cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng nhà, đất thì sau

khi nhận được Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp) hoặc Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trong trường hợp không có cơ quan tổng hợp) và Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất, Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Mẫu số 01c tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 01 bản chính;

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: 01 bản sao.

b) Phê duyệt phương án đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

6. Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

7. Hình thức văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và nội dung chủ yếu của văn bản phê duyệt phương án được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Nghị định này.

8. Trên cơ sở phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị định này phê duyệt theo các hình thức thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các Điều 11, 12 và 13 Nghị định này quyết định xử lý nhà, đất. Hình thức quyết định xử lý nhà, đất và xử lý một số trường hợp cụ thể được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 6 Nghị định này.

Không phải ban hành Quyết định xử lý nhà, đất đối với nhà, đất được xử lý theo hình thức giữ lại tiếp tục sử dụng hoặc tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với:

a) Nhà, đất điều chuyển từ các bộ, cơ quan trung ương, địa phương sang Bộ Quốc phòng, Bộ Công an mà đất đó chưa có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Nhà, đất điều chuyển từ cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội sang các đối tượng khác (ngoài cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội) theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất thực hiện điều chuyển giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ các trường hợp điều chuyển quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Đối với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội ở trung ương thì việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Đoàn Chủ tịch/Ban Thường trực của tổ chức. Việc lấy ý kiến của Thường trực Đoàn Chủ tịch/Ban thường trực của tổ chức được thực hiện theo Quy chế làm việc của Đoàn Chủ tịch, Ban Chấp hành của tổ chức.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý (bao gồm nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương đó trên địa bàn địa phương khác), trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 9. Hình thức sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Giữ lại tiếp tục sử dụng.
2. Thu hồi.
3. Điều chuyển.
4. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý.
5. Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

Điều 10. Giữ lại tiếp tục sử dụng

1. Việc giữ lại tiếp tục sử dụng được áp dụng đối với nhà, đất đang sử dụng phù hợp với mục đích được Nhà nước giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi công năng sử dụng của tài sản, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư xây dựng, mua sắm.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng có trách nhiệm quản lý, sử dụng nhà, đất theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 11. Thu hồi

1. Việc thu hồi nhà, đất được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Nhà, đất không sử dụng liên tục quá 12 tháng, trừ trường hợp đang triển khai thủ tục để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật mà không thuộc trường hợp thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Tặng cho, góp vốn, cho mượn, cho thuê, liên doanh, liên kết, sử dụng nhà, đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự không đúng quy định, trừ nhà, đất thuộc vụ việc đã được Tòa án nhân dân có thẩm quyền thụ lý;

c) Nhà, đất sử dụng không hiệu quả hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức bộ máy, thay đổi chức năng, nhiệm vụ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) ban hành Quyết định thu hồi nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương và địa phương quản lý (bao gồm cả nhà, đất của địa phương khác trên địa bàn) sau khi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị định này phê duyệt phương án thu hồi.

3. Nội dung Quyết định thu hồi, việc bàn giao, tiếp nhận và xử lý, khai thác nhà, đất sau khi có Quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này khi xử lý nhà, đất sau khi đã có Quyết định thu hồi.

4. Việc bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp thu hồi nhà, đất được thực hiện theo quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trong đó, trường hợp thu hồi nhà, đất theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thì việc bồi thường, hỗ trợ được xác định tương tự trường hợp Nhà nước thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai; trường hợp thu hồi nhà, đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì việc bồi thường, hỗ trợ được xác định tương tự trường hợp Nhà nước thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chi phí thực hiện quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản thu hồi chờ xử lý do ngân sách chi trả từ dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi; trường hợp chưa được bố trí trong dự toán hoặc bố trí còn thiếu thì được bổ sung dự toán để chi trả.

5. Quá thời hạn bàn giao theo quy định mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất thu hồi không thực hiện bàn giao thì cơ quan được giao tổ chức thực hiện quyết định thu hồi có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế thu hồi nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc tổ chức cưỡng chế thu hồi nhà, đất thực hiện theo quy định áp dụng đối với cưỡng chế thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Chi phí thực hiện cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất bị cưỡng chế chi trả từ nguồn kinh phí không phải ngân sách nhà nước.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tiếp nhận nhà, đất thu hồi theo đúng thời hạn quy định. Trường hợp quá thời hạn mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản không bàn giao hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao tiếp nhận tài sản không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, bị mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản thu hồi theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp.

Điều 12. Điều chuyển

1. Việc điều chuyển được áp dụng trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và thực hiện khi xác định được cụ thể đối tượng tiếp nhận. Trường hợp đối tượng tiếp nhận là cơ quan, tổ chức, đơn vị thì tại văn bản đề nghị tiếp nhận nhà, đất phải thuyết minh sự phù hợp của việc tiếp nhận nhà, đất với quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

Trường hợp tài sản khác (không phải là nhà, đất) hiện có tại cơ sở nhà, đất mà cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng không còn nhu cầu sử dụng thì được điều chuyển đồng thời với cơ sở nhà, đất đó (trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận nhà, đất có nhu cầu tiếp nhận và được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đồng ý); thẩm quyền quyết định điều chuyển, việc bàn giao, tiếp nhận đối với các tài sản khác trong trường hợp này được

thực hiện theo quy định áp dụng đối với điều chuyển nhà, đất. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp nhận thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản điều chuyển báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản đó theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Trường hợp điều chuyển nhà, đất sang doanh nghiệp thì chỉ điều chuyển sang doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để làm văn phòng làm việc. Không điều chuyển nhà, đất sang doanh nghiệp để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở, kinh doanh bất động sản hoặc sử dụng nhà, đất đã tiếp nhận điều chuyển để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở, kinh doanh bất động sản hoặc các mục đích khác (không phải để làm văn phòng làm việc).

2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, nội dung Quyết định điều chuyển, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản điều chuyển và các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản điều chuyển có trách nhiệm cập nhật thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản điều chuyển tính đến thời điểm ban hành quyết định điều chuyển.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản điều chuyển không bàn giao hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản điều chuyển theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp.

3. Trường hợp đối tượng tiếp nhận tài sản điều chuyển là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì sau khi tiếp nhận được giữ lại tiếp tục sử dụng; cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này; không phải báo cáo kê khai để phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp sau khi tiếp nhận mà trong quá trình quản lý, sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không đúng quy định thì việc xử lý được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp đối tượng tiếp nhận tài sản điều chuyển là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì sau khi tiếp nhận được giữ lại tiếp tục sử dụng làm văn phòng làm việc; trường hợp không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích làm văn phòng làm việc hoặc sử dụng không đúng quy định thì Nhà nước thực hiện thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 13. Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý

1. Chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý là việc chuyển giao nhà, đất từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý hoặc địa phương khác quản lý về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý về các cơ quan chức năng của địa phương quy định tại điểm c khoản 2 Điều này để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật. Việc chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Nhà, đất đã được giao, bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành có khuôn viên độc lập hoặc có thể tách biệt khỏi khuôn viên cơ sở nhà, đất, có lối đi riêng mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng;

b) Nhà, đất không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không còn nhu cầu sử dụng.

Trường hợp tài sản khác (không phải là nhà, đất) hiện có tại cơ sở nhà, đất mà cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng không còn nhu cầu sử dụng thì được chuyển giao đồng thời với cơ sở nhà, đất đó (trong trường hợp địa phương tiếp nhận nhà, đất có nhu cầu tiếp nhận); thẩm quyền quyết định chuyển giao, việc bàn giao, tiếp nhận đối với các tài sản khác trong trường hợp này được thực hiện theo quy định áp dụng đối với chuyển giao nhà, đất. Trường hợp địa phương không có nhu cầu tiếp nhận thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản chuyển giao báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản đó theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao nhà, đất về địa phương quản lý, xử lý:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định chuyển giao nhà, đất từ cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) quản lý, xử lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn địa phương khác về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) quản lý, xử lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý về các cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức

phát triển quỹ đất, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.

3. Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao gồm:

a) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất chuyển giao;

b) Danh mục nhà, đất chuyển giao (địa chỉ nhà, đất; diện tích đất, diện tích nhà; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do chuyển giao);

Danh mục tài sản khác (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do chuyển giao) trong trường hợp chuyển giao cùng với nhà, đất;

Cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản chuyển giao có trách nhiệm cập nhật thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản chuyển giao tính đến thời điểm ban hành quyết định chuyển giao.

c) Cơ quan tiếp nhận tài sản chuyển giao: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà, đất (trong trường hợp chuyển giao nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý và nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương khác quản lý trên địa bàn địa phương); cơ quan chức năng của địa phương quy định tại điểm c khoản 2 Điều này (trong trường hợp chuyển giao nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý);

d) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Việc bàn giao, tiếp nhận nhà, đất chuyển giao

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) ban hành văn bản giao nhiệm vụ tiếp nhận nhà, đất cho cơ quan chức năng của địa phương;

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ tiếp nhận nhà, đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này), Quyết định chuyển giao nhà, đất của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này), cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất chuyển giao có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương (theo Quyết định chuyển giao hoặc văn bản giao nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản; thực hiện hạch toán giảm tài sản, giá trị tài sản chuyển giao. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP;

c) Đối với nhà, đất chuyển giao là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có của cơ quan, tổ chức, đơn vị được Nhà nước giao trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp khác hoặc được đầu tư xây dựng trụ sở làm

việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại địa điểm mới mà trụ sở cũ không còn nhu cầu sử dụng thì việc bàn giao, tiếp nhận được thực hiện sau khi hoàn thành việc tiếp nhận trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp khác hoặc đầu tư xây dựng, đưa trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại địa điểm mới vào sử dụng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quá thời hạn theo quy định mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản không bàn giao hoặc cơ quan chức năng của địa phương không tiếp nhận thì bên không bàn giao hoặc bên không tiếp nhận phải chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho việc quản lý, bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chậm bàn giao, chậm tiếp nhận và chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tài sản bị huỷ hoại, mất hoặc hư hỏng; không sử dụng ngân sách nhà nước để thanh toán chi phí phát sinh trong trường hợp này;

d) Không thực hiện bồi thường, hỗ trợ, thanh toán giá trị tài sản đối với trường hợp chuyển giao nhà, đất và các tài sản khác (nếu có) về địa phương quản lý, xử lý.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép áp dụng hoặc vận dụng theo cơ chế tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản chuyển giao theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản.

5. Sau khi thực hiện việc tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận nhà, đất chuyển giao căn cứ hồ sơ của từng trường hợp cụ thể để tham mưu hoặc đề nghị cơ quan có trách nhiệm tham mưu đề báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều này.

6. Xử lý đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Trường hợp nhà, đất đã được giao, bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

b) Trường hợp nhà, đất đã được giao, bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì thực hiện xử lý như sau:

Trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì thực hiện bán nhà cho người đang sử dụng, việc xác định tiền nhà thực hiện như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở. Người đang sử dụng nhà, đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và các khoản phải nộp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người đang sử dụng nhà, đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường địa phương căn cứ quy định tại Điều 83 Luật Đất đai năm 2024 đề trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi đất của người đang sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp này (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định và xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc giao, bố trí nhà, đất làm nhà ở đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

7. Xử lý đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Trường hợp nhà, đất giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Trường hợp nhà, đất giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

c) Trường hợp nhà, đất giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trong trường hợp Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với đất đã giao cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác thì tổ chức phát triển quỹ đất báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm đ khoản này; tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm xác định giá bán tài sản gắn liền với đất (trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất), xử lý vật tư, vật liệu thu hồi (trong trường hợp phá dỡ, hủy bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất); người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất, hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất theo quy định tại điểm đ khoản này.

d) Trường hợp xử lý theo chính sách nhà ở, đất ở thì thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan;

đ) Trường hợp thực hiện giao đất, cho thuê đất thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Đối với tài sản gắn liền với đất, căn cứ tình hình thực tế và thực trạng của tài sản gắn liền với đất, cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại khoản 8 Điều này báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất xem xét, quyết định việc bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất hoặc phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất, đấu thầu dự án sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại khoản 8 Điều này quyết định giá bán tài sản trên đất bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại của tài sản; cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu quy định tại khoản 8 Điều này được thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá làm cơ sở quyết định giá bán; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm trả tiền mua tài sản gắn liền với đất.

Trường hợp phá dỡ, huỷ bỏ tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức giao đất, cho thuê đất thì cơ quan được giao trách nhiệm tham mưu tương ứng quy định tại khoản 8 Điều này thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ; việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, huỷ bỏ thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được theo dõi trên sổ kế toán tại thời điểm thực hiện phá dỡ, huỷ bỏ. Việc người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất phải được xác định cụ thể trong Phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thông báo cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất biết. Việc hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất được thực hiện tương tự như nộp tiền bán tài sản gắn liền với đất trong trường hợp bán tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất.

Trường hợp theo quy hoạch của địa phương mà phải chia thành nhiều lô để giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất thì giá trị tài sản gắn liền với đất được phân bổ cho từng lô theo tỷ lệ diện tích của từng lô trên tổng diện tích của tất cả các lô.

8. Cơ quan quản lý nhà ở địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a khoản 6, điểm d khoản 7 Điều này. Cơ quan chuyên môn về tài chính địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 7 Điều này. Cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường địa phương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp trong trường hợp xử lý theo quy định tại điểm b khoản 6, điểm c, điểm đ khoản 7 Điều này.

9. Cơ quan tiếp nhận nhà, đất chuyển giao có trách nhiệm theo dõi, tính hao mòn đối với tài sản nhận chuyển giao từ thời điểm nhận chuyển giao đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản.

10. Không thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này đối với nhà, đất sau khi tiếp nhận chuyển giao. Việc xử lý nhà, đất sau khi tiếp nhận chuyển giao thực hiện theo quy định tại các khoản 6, 7, 8 và 9 Điều này.

Điều 14. Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng

1. Việc tạm giữ lại tiếp tục sử dụng được áp dụng đối với nhà, đất quy định tại khoản 1, điểm c khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

3. Sau khi hoàn thành việc di dời, chấm dứt việc sử dụng nhà, đất không đúng quy định thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này.

Điều 15. Xử lý nhà, đất sử dụng không đúng quy định

1. Đối với nhà, đất đã được giao, bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền và không đủ điều kiện chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định này thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất phải thực hiện di dời các hộ gia đình, cá nhân ra khỏi khuôn viên cơ sở nhà, đất để sử dụng đúng mục đích. Việc hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân phải di dời (nếu có) được thực hiện như quy định về việc hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất đề nghị đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương (nơi có nhà, đất) lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định của pháp luật về đất đai. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất trong quá trình lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đối với nhà, đất đã được giao, bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền trước ngày 19 tháng 01 năm 2007:

Trường hợp có dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại cơ sở nhà, đất có bố trí nhà, đất làm nhà ở thì được bố trí trong vốn đầu tư của dự án;

Trường hợp không có dự án đầu tư theo quy định nêu trên thì được bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối ngân sách hằng năm của bộ, cơ quan trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc được sử dụng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Đối với nhà, đất đã được giao, bố trí làm nhà ở không đúng thẩm quyền từ ngày 19 tháng 01 năm 2007 thì không được sử dụng nguồn kinh phí tại điểm a khoản này để hỗ trợ di dời (nếu có); tập thể, cá nhân bố trí nhà, đất làm nhà ở không đúng quy định chịu trách nhiệm chi trả chi phí hỗ trợ di dời (nếu phải hỗ trợ di dời).

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định và xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc giao, bố trí nhà, đất làm nhà ở không đúng quy định.

4. Trường hợp sử dụng toàn bộ cơ sở nhà, đất hoặc một phần cơ sở nhà, đất để cho mượn, cho thuê, hợp tác, kinh doanh, liên doanh, liên kết không đúng quy định hoặc các hình thức sử dụng khác không đúng quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật khác có liên quan thì xử lý như sau:

a) Trường hợp sử dụng toàn bộ cơ sở nhà, đất không đúng quy định thì xử lý thu hồi;

b) Trường hợp sử dụng một phần cơ sở nhà, đất không đúng quy định mà có thể tách phần diện tích sử dụng không đúng quy định thành khuôn viên độc lập, có lối đi riêng thì xử lý thu hồi;

c) Trường hợp sử dụng một phần cơ sở nhà, đất không đúng quy định mà không thể tách phần diện tích sử dụng không đúng quy định thành khuôn viên độc lập, có lối đi riêng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chấm dứt việc sử dụng nhà, đất không đúng quy định;

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc sử dụng nhà, đất không đúng quy định (sau khi đã trừ các khoản thuế đã nộp cho số thu đó) vào ngân sách trung ương (đối với nhà, đất thuộc trung ương quản lý), vào ngân sách địa phương (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý). Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng nhà, đất hoặc sử dụng số tiền không đúng quy định có trách nhiệm hoàn trả số tiền sử dụng không đúng quy định vào ngân sách nhà nước;

Chỉ đạo cơ quan có chức năng thuộc phạm vi quản lý thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Xử lý nhà, đất thuê của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (tại Điều này gọi là đơn vị) đang thuê nhà, đất của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương (trừ nhà, đất mà nhà hoặc quyền sử dụng đất hoặc cả nhà và quyền sử dụng đất đã được tính thành vốn nhà nước tại tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương), nếu đơn vị có nhu cầu sử dụng làm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này thì đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý theo hình thức giữ lại tiếp tục sử dụng. Việc kê khai, đề xuất, tổng hợp, kiểm tra hiện trạng, lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 10 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 8 Nghị định này phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) ban hành Quyết định chuyển giao quyền quản lý, sử dụng nhà, đất quy định tại khoản 1 Điều này từ tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương về đơn vị thuộc trung ương quản lý, sử dụng theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương; về đơn vị thuộc địa phương quản lý, sử dụng. Nội dung chủ yếu của Quyết định chuyển giao quyền quản lý, sử dụng nhà, đất gồm:

Tên của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương;

Danh mục nhà, đất chuyển giao (Địa chỉ nhà, đất; diện tích đất, diện tích nhà; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do chuyển giao). Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương có trách nhiệm cập nhật thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản chuyển giao tính đến thời điểm ban hành quyết định chuyển giao;

Đơn vị tiếp nhận nhà, đất chuyển giao;

Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao quyền quản lý, sử dụng nhà, đất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất), đơn vị có trách nhiệm phối hợp với tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà

địa phương, cơ quan chức năng của địa phương (nếu có) thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản; thực hiện hạch toán tăng, giảm tài sản, giá trị tài sản chuyển giao theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Đơn vị tiếp nhận nhà, đất chuyển giao thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

Điều 17. Thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt

Việc thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt (bao gồm các trường hợp đã được phê duyệt phương án theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nay có sự thay đổi) được thực hiện như sau:

1. Nhà, đất đã được phê duyệt phương án thu hồi, điều chuyển hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý nhưng chưa thực hiện bàn giao, tiếp nhận mà trong quá trình thực hiện cần phải thay đổi phương án đã được phê duyệt sang các phương án khác được quy định tại Điều 9 Nghị định này thì phải báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền đề thay đổi phương án xử lý:

a) Đối với nhà, đất thuộc trung ương quản lý: Cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) về việc thay đổi phương án để báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này xem xét, báo cáo Bộ, cơ quan trung ương để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất). Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất), cơ quan có thẩm quyền lập phương án báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt thay đổi phương án theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thay đổi phương án;

b) Đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý: Cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) về việc thay đổi phương án để báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thay đổi phương án theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thay đổi phương án; trường hợp nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị của địa phương đóng trên địa bàn địa phương khác thì phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có nhà, đất) trước khi phê duyệt thay đổi phương án theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt thay đổi phương án;

c) Việc kiểm tra hiện trạng đối với nhà, đất đề nghị thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định này;

d) Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại Điều 8 Nghị định này là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thay đổi phương án. Việc xác định thẩm quyền phê duyệt thay đổi

phương án được căn cứ vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất sau thay đổi. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thay đổi phương án có trách nhiệm gửi 01 bản chính văn bản phê duyệt phương án thay đổi đến cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước khi thay đổi (nếu cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thay đổi phương án khác cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt phương án trước khi thay đổi) để biết;

đ) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đề nghị thay đổi phải phù hợp với quy định tương ứng tại các Điều 10, 11, 12, 13 và 14 Nghị định này.

2. Đối với nhà, đất được phê duyệt phương án tạm giữ lại tiếp tục sử dụng thuộc trường hợp nhà, đất sử dụng không đúng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 15 Nghị định này, việc xử lý nhà, đất sau khi hoàn thành việc di dời, chấm dứt việc sử dụng không đúng quy định được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định này; không thực hiện thủ tục thay đổi phương án.

3. Đối với nhà, đất được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng thì không thực hiện thủ tục thay đổi phương án, bao gồm cả các trường hợp có những thay đổi sau đây:

a) Thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà, công trình trên khuôn viên đất. Trong trường hợp này, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan;

b) Trong quá trình sử dụng có sự thay đổi diện tích do đo đạc lại, do phương pháp đo đạc, do tự nhiên, sạt lở, do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao thêm, do phá dỡ, giải phóng mặt bằng, do bị thu hồi một phần diện tích nhà, đất hoặc thu hồi toàn bộ cơ sở nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai (bao gồm trường hợp cơ quan nhà nước chưa có quyết định thu hồi đất nhưng thuộc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng). Trong trường hợp này, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đăng ký đất đai, hạch toán, quản lý, sử dụng và xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tên của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất có sự thay đổi do hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động và các trường hợp thay đổi tên gọi khác hoặc có sự thay đổi cơ quan quản lý cấp trên hoặc chuyển đổi mô hình hoạt động đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền mà pháp nhân mới được kế thừa quyền, nghĩa vụ về tài sản (nhà, đất) theo quy định của pháp luật;

d) Tên địa chỉ nhà, đất có sự thay đổi theo văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền mà không thay đổi vị trí nhà, đất thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp tục thực hiện theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền

phê duyệt theo tên gọi, địa chỉ nhà, đất và diện tích nhà, đất mới. Trường hợp việc thay đổi hiện trạng sử dụng nhà, đất gắn với hành vi vi phạm quy định của pháp luật thì việc xử lý hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Thực hiện xử lý nhà, đất tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

4. Trường hợp nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện phương án đã được phê duyệt mà phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tố cáo hoặc bị lấn, chiếm thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất và các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. Sau khi hoàn thành việc xử lý tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, lấn, chiếm thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì tiếp tục thực hiện theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp cần thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp không thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì dừng thực hiện phương án đã được phê duyệt. Việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất trong trường hợp này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

XỬ LÝ CHUYÊN TIẾP VIỆC SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT

Mục 1

XỬ LÝ CHUYÊN TIẾP ĐỐI VỚI NHÀ, ĐẤT DO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 2 NGHỊ ĐỊNH NÀY, CƠ QUAN CỦA ĐẢNG, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Điều 18. Xử lý chuyên tiếp đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị đang thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý

1. Đối với nhà, đất không thực hiện sắp xếp lại, xử lý quy định tại Điều 3 Nghị định này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng nhà, đất theo quy định tương ứng của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan; không tiếp tục thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp tục thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp đã kiểm tra hiện trạng sử dụng nhà, đất, tổng hợp, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện lại các công việc đã thực hiện.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan của người có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án hoặc đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án nhưng theo quy định tại Chương II Nghị định này có sự thay đổi về thẩm quyền phê duyệt phương án hoặc thẩm quyền trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án thì cơ quan đã tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm trả lại hồ sơ đã tiếp nhận cho cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc cơ quan có thẩm quyền trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này. Thời hạn chuyển trả hồ sơ là 30 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp nhà, đất đã được báo cáo kê khai và đề xuất, tổng hợp, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không còn phù hợp với quy định tại Chương II Nghị định này hoặc có những thay đổi quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này. Trường hợp cần phải kiểm tra lại hiện trạng nhà, đất thì cơ quan có thẩm quyền lập phương án quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này xem xét, quyết định.

Điều 19. Xử lý chuyển tiếp đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc thực hiện phương án và nhà, đất đó thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này

1. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất tiếp tục thực hiện các công việc chưa hoàn thành tương ứng theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì tiếp tục thực hiện các bước công việc chưa hoàn thành tương ứng theo quy định tại các Điều 11, 12 và 13 Nghị định này.

Thời điểm để tính thời hạn ban hành Quyết định xử lý, ban hành văn bản giao cơ quan chức năng của địa phương tiếp nhận nhà, đất; thời hạn bàn giao, tiếp nhận nhà, đất thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý được tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Việc bàn giao,

tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Trường hợp chưa thực hiện bàn giao, tiếp nhận mà cần thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

3. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án tạm giữ lại tiếp tục sử dụng:

a) Trường hợp nhà, đất sử dụng chưa đúng quy định thì thực hiện các bước công việc chưa hoàn thành tương ứng theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;

b) Trường hợp nhà, đất thuộc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi nhưng chưa có quyết định thu hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai và thực hiện bàn giao cho cơ quan chức năng theo Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Trường hợp nhà, đất thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà chưa đưa vào sử dụng và không thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định của pháp luật thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có phương án, quản lý, sử dụng nhà, đất theo quy định và kê khai, báo cáo để sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

4. Đối với nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức đấu giá, hình thức chỉ định:

a) Trường hợp đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm, giá bán chỉ định thì được tiếp tục bán và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tương ứng tại Điều 11, Điều 18 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11, khoản 16 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ;

b) Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm, giá bán chỉ định thì dừng việc bán và thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán được thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán từ dự toán ngân sách nhà nước được giao (kể cả giao bổ sung) hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán.

Điều 20. Xử lý chuyển tiếp đối với nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc thực hiện phương án và nhà, đất đó không thuộc phạm vi sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này

1. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng thì việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất đó được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án tạm giữ lại tiếp tục sử dụng thì căn cứ hiện trạng sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai, pháp luật có liên quan.

3. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý:

a) Trường hợp đã thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận thì tiếp tục thực hiện các bước công việc chưa hoàn thành tương ứng theo quy định tại các Điều 11, 12 và 13 Nghị định này;

b) Trường hợp chưa thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận thì dừng việc thực hiện phương án; việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất đó được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

4. Đối với nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức đấu giá, hình thức chỉ định thì thực hiện tương tự như quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này.

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp đối với nhà, đất của cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng

1. Đối với nhà, đất đang thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 mà đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý thì cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng thực hiện quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, quy định của Đảng, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; không thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành việc thực hiện phương án:

a) Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án giữ lại tiếp tục sử dụng thì cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng thực hiện quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, quy định của Đảng, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

b) Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án tạm giữ lại tiếp tục sử dụng thì căn cứ hiện trạng sử dụng, cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng thực hiện quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, quy định của Đảng, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

c) Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án thu hồi, điều chuyển, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý thì cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng thực hiện tương tự như quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này;

d) Đối với nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức đấu giá, hình thức chỉ định thì thực hiện tương tự như quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định này.

Điều 22. Xử lý chuyển tiếp đối với một số trường hợp khác

1. Đối với các trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp hoặc cho phép sử dụng nhà, đất để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao thì việc xử lý chuyển tiếp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; không thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án tạm giữ lại tiếp tục sử dụng mà nhà, đất đó thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị nhưng chưa đưa vào sử dụng và không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đã hoàn thành dự án đầu tư, đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật nếu nhà, đất đó và đối tượng quản lý, sử dụng thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định này thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định này; không thực hiện thủ tục thay đổi phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

3. Đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án theo hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 nhưng

chưa hoàn thành việc thực hiện phương án, mà nay không còn phù hợp với quy định tại Chương II Nghị định này về thẩm quyền phê duyệt hoặc hiện trạng nhà, đất hoặc các nguyên nhân khác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), cơ quan, người có thẩm quyền lập, điều chỉnh lại phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất cho phù hợp, tổ chức kiểm tra lại hiện trạng nhà, đất và thực hiện các công việc tiếp theo theo quy định tại Nghị định này.

Mục 2

XỬ LÝ CHUYÊN TIẾP ĐỐI VỚI NHÀ, ĐẤT DO DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Điều 23. Xử lý chuyên tiếp đối với nhà, đất của doanh nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại và quyết định xử lý theo hình thức thu hồi, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 (bao gồm cả Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Trường hợp chưa thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận thì tiếp tục thực hiện các bước công việc chưa hoàn thành tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 67/2021/NĐ-CP (đối với trường hợp thu hồi), theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP (đối với trường hợp chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý).

2. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán đối với phần giá trị còn lại của tài sản khi thu hồi, chuyển giao (nếu có) theo quy định về hạch toán áp dụng đối với việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp.

Điều 24. Xử lý chuyên tiếp đối với nhà, đất của doanh nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại và quyết định xử lý bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 (bao gồm cả Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg)

1. Trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm, giá bán chỉ định thì được tiếp tục bán và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tương ứng tại các Điều 11, 19 và 20 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP.

2. Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giá khởi điểm, giá bán chỉ định thì dừng việc thực hiện quyết định bán. Doanh

nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức bán được thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán từ kinh phí của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Xử lý đối với nhà, đất của doanh nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất ngoài các phương án quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 (bao gồm cả Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg)

Doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Bãi bỏ các văn bản sau đây:

a) Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

b) Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị nêu tại Nghị định này sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động dẫn đến thay đổi tên gọi thì sử dụng theo tên gọi mới của của cơ quan đó.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Báo cáo tiến độ, kết quả sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền. Việc thực hiện báo cáo là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản công của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương hằng năm;

b) Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tổ chức thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; chịu trách nhiệm toàn diện về việc tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức rà soát, lập danh mục các cơ sở nhà, đất hiện đang quản lý, sử dụng gồm danh mục nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp, danh mục nhà, đất không thuộc phạm vi sắp xếp theo quy định tại Nghị định này (trong đó nêu rõ căn cứ cơ sở nhà, đất đó không thuộc phạm vi sắp xếp thuộc trường hợp nào theo quy định tại Nghị định này); báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án tổng hợp, theo dõi;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương tiếp nhận thông tin, xem xét, giải quyết các trường hợp hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương và trung ương quản lý trên địa bàn.

Đối với cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, các cơ quan chức năng của địa phương căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật, không chờ đến khi sắp xếp lại, xử lý xong, gây khó khăn cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của địa phương về quy hoạch, đất đai, xây dựng trong việc hướng dẫn cung cấp các thông tin hành chính về quy hoạch, đất đai, xây dựng liên quan đến cơ sở nhà, đất để cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện từ bước báo cáo kê khai và đề xuất phương án, tổng hợp, kiểm tra hiện trạng, lập, phê duyệt phương án và tổ chức thực hiện;

e) Căn cứ tình hình thực tế sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu cần) để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, bảo đảm không làm tăng biên chế của bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

g) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc xử lý chuyên tiếp việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất do cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 2

Nghị định này quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo, giám sát, thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất bảo đảm đúng quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực;

h) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất có trách nhiệm:

a) Lập danh mục các cơ sở nhà, đất hiện đang quản lý, sử dụng gồm danh mục nhà, đất thuộc phạm vi sắp xếp, danh mục nhà, đất không thuộc phạm vi sắp xếp theo quy định tại Nghị định này (trong đó nêu rõ căn cứ cơ sở nhà, đất đó không thuộc phạm vi sắp xếp thuộc trường hợp nào theo quy định tại Nghị định này); báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan có thẩm quyền lập phương án tổng hợp, theo dõi;

b) Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tự kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công;

d) Liên hệ với các cơ quan chức năng của địa phương để xử lý theo quy định của pháp luật đối với nhà, đất bị lấn, chiếm ngay khi phát hiện;

đ) Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nhà, đất và tình hình thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;

e) Thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Doanh nghiệp thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì thực hiện các nội dung theo quy định tại các Điều 23, 24 và 25 Nghị định này; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, xử lý theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

4. Cơ quan của Đảng, đơn vị sự nghiệp của Đảng thuộc đối tượng sắp xếp theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 21 Nghị định này; chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, xử lý nhà, đất bảo đảm đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai, quy định của Đảng và pháp luật khác có liên quan, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

5. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, giao các cơ quan có chức năng của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và các đối tượng khác có hành vi vi phạm pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ *100*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phúc



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 03/2025/NĐ-CP
ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01a	Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (Áp dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất)
Mẫu số 01b	Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (Áp dụng cho cơ quan tổng hợp)
Mẫu số 01c	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (Áp dụng cho cơ quan có thẩm quyền lập phương án)
Mẫu số 02	Biên bản kiểm tra hiện trạng nhà, đất

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN...
TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO KÊ KHAI: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

KÊ KHAI VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT

(Áp dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất)

Địa chỉ nhà, đất: Ghi đầy đủ theo số nhà, đường phố (tổ), phường (xã, thị trấn), quận (huyện, thành phố, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương), tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ thực tế quản lý, sử dụng tài sản,⁽²⁾ lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất như sau:

I. Báo cáo kê khai

1. Đất

a) **Diện tích:** Ghi tổng diện tích khuôn viên đất theo đơn vị tính m² hiện đang quản lý, sử dụng theo hồ sơ pháp lý về đất đai; trường hợp số liệu giữa hồ sơ pháp lý và số liệu thực tế đang quản lý, sử dụng khác nhau thì ghi theo số thực tế đang sử dụng và ghi rõ lý do chênh lệch, tài liệu chứng minh số liệu chênh lệch (nếu có). Ghi rõ nguồn số liệu để xác định diện tích tại thời điểm kê khai (Ví dụ: Bản đồ hiện trạng vị trí số... ngày do... lập hoặc Bản vẽ sơ đồ nhà, đất số.... do lập/Hồ sơ hoàn công/Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản...).

b) **Mục đích sử dụng:** Ghi mục đích sử dụng đất theo Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư xây dựng, mua sắm....

c) Hiện trạng sử dụng:

- Diện tích sử dụng vào mục đích chính (diện tích đất xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, bao gồm cả diện tích sân, vườn và đường đi nội bộ):.....m²;

- Diện tích cho mượn: ...m²

- Diện tích cho thuê: ...m²

Ghi chú:

¹ Mẫu này sử dụng để cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án xử lý đối với từng cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý.

² Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị lập Báo cáo kê khai và đề xuất phương án.

- Diện tích đã bố trí làm nhà ở: ...m²
 - Diện tích đang bị lấn, chiếm: ...m²
 - Diện tích sử dụng vào mục đích khác (ghi cụ thể mục đích sử dụng): ...m²
 - Diện tích bỏ trống, chưa sử dụng: ...m²
2. Nhà³

Số TT	Danh mục	Số tầng	Diện tích (m ²)			Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
			Xây dựng nhà	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ngôi 1						
2	Ngôi 2.....						
	Cộng						

* Hướng dẫn các chỉ tiêu:

- Cột (2) Danh mục: Ghi cụ thể từng ngôi nhà theo hồ sơ theo dõi và thực tế quản lý, sử dụng của đơn vị.

- Cột (3) Số tầng: Ghi theo hồ sơ pháp lý có liên quan hoặc thực tế theo hồ sơ theo dõi của đơn vị.

- Cột (4) Diện tích xây dựng nhà: Ghi diện tích chiếm đất theo đơn vị tính m² của từng ngôi nhà trên khuôn viên cơ sở nhà, đất.

- Cột (5) Diện tích sàn xây dựng nhà: Ghi diện tích sàn xây dựng của các tầng, bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng tum theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng của từng ngôi nhà được xác định theo các hồ sơ pháp lý có liên quan hoặc theo diện tích đo vẽ thực tế của đơn vị....

- Cột (6) Diện tích sàn sử dụng nhà: Ghi diện tích sàn sử dụng nhà của từng ngôi nhà trên khuôn viên đất theo các hồ sơ pháp lý có liên quan hoặc theo diện tích đo vẽ thực tế của đơn vị ...

* Đơn vị bắt buộc phải kê khai thông tin tại cột (4), (5) và (6) trong trường hợp có thông tin cả 03 cột; trường hợp cột nào không có thông tin thì ghi "không có số liệu". Đơn vị phải ghi rõ căn cứ xác định số liệu diện tích tại thời điểm kê khai của cột (4), (5), (6) vào cột ghi chú (cột 8).

Cột (7) Hiện trạng sử dụng: Ghi hiện trạng sử dụng của từng ngôi nhà trên khuôn viên đất; trường hợp 1 ngôi nhà được sử dụng đan xen nhiều mục đích thì hiện trạng ghi theo diện tích của từng mục đích sử dụng.

3. Công trình khác gắn liền với đất: Biểu số liệu này được kê khai các công trình gắn liền với đất như vật kiến trúc, tường rào, trạm điện, bể nước...

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công trình 1	Cái/chiếc			
2	Công trình 2...	Cái/chiếc			
	Cộng				

* Hướng dẫn các chỉ tiêu:

³ Đối với trường hợp thuộc quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định thì cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ kê khai đối với phần diện tích nhà, đất được giao quản lý, sử dụng.

- Cột (2) Danh mục tài sản: Ghi cụ thể tên công trình gắn liền với đất.
- Cột (3) Đơn vị tính: Ghi đơn vị tính phù hợp với tài sản.
- Cột (5) Hiện trạng sử dụng: Ghi hiện trạng sử dụng hiện tại của từng công trình.

4. Tài sản khác: Biểu số liệu này chỉ được kê khai trong trường hợp hình thức xử lý nhà, đất là “điều chuyển”, “chuyển giao” mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhà, đất có nhu cầu cầu điều chuyển, chuyển giao cả các tài sản khác trong cùng cơ sở nhà, đất (ngoài nhà, đất, công trình gắn liền với đất), ví dụ: bàn, ghế, máy móc, thiết bị....

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tài sản A	Cái/chiếc			
2	Tài sản B...	Cái/chiếc			
	Cộng				

* **Ghi chú:** Danh mục tài sản khác nêu trên do cơ quan, tổ chức, đơn vị lập. Trong quá trình lập, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất nếu có thay đổi thông tin liên quan đến tài sản khác thì thực hiện cập nhật thông tin tại Danh mục tài sản đính kèm Công văn đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

II. Hồ sơ pháp lý và các hồ sơ có liên quan

1. Hồ sơ pháp lý: Ghi đầy đủ các loại giấy tờ pháp lý về nhà, đất như: Quyết định giao đất, cho thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Biên bản bàn giao nhà, đất; Hợp đồng thuê đất, Hợp đồng thuê nhà, Thông tin quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (nếu có), hồ sơ xây dựng, mua sắm, giao,... và các hồ sơ để xác định diện tích xây dựng, diện tích sàn xây dựng và diện tích sàn sử dụng.

Trường hợp các hồ sơ pháp lý về nhà, đất không có hoặc có nhưng bị thất lạc thì ghi rõ là “không có” hoặc “thất lạc” kèm theo Văn bản xác nhận về việc không có hồ sơ pháp lý hoặc có nhưng bị thất lạc của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận của mình.

- Giấy tờ pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Hồ sơ liên quan đến phương án (hình thức) xử lý như: Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản điều chuyển (trong trường hợp điều chuyển); Quyết định về cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ; Văn bản bố trí nhà, đất làm nhà ở....

III. Đề xuất phương án

1. Phương án đề xuất: Ghi cụ thể hình thức sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Trường hợp một cơ sở nhà, đất áp dụng nhiều hình thức xử lý thì ghi đầy đủ hình thức theo quy định và xác định cụ thể diện tích đất, diện tích nhà theo từng hình thức xử lý.

2. Cơ sở đề xuất phương án: Căn cứ quy định, điều kiện áp dụng của từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 16 Nghị định để thuyết minh cụ thể cơ sở đề xuất phương án. (Ví dụ đề xuất phương án “thu hồi” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 (nhà, đất sử dụng không hiệu quả hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi tổ chức bộ máy, thay đổi chức năng, nhiệm vụ));

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP
TRÊN CỦA CƠ QUAN TỔNG HỢP:....
TÊN CƠ QUAN TỔNG HỢP:....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT
(ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CƠ QUAN TỔNG HỢP)

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ Báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý từng cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Văn bản đề nghị (số/ngày/tháng/năm) của cơ quan, tổ chức, đơn vị.....¹;

.....⁽²⁾ lập Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất như sau:

Phần I: Nhà, đất và công trình khác gắn liền với đất

Số TT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m2)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Đơn vị A											
1	Cơ sở 1											
2	Cơ sở 2....											
II	Đơn vị B											
1	Cơ sở 1											
2	Cơ sở 2....											
	Tổng cộng											

Ghi chú:

¹ Mẫu này sử dụng để cơ quan quản lý cấp trên (gọi là cơ quan tổng hợp) để tổng hợp đề xuất phương án xử lý đối với các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp không có cơ quan tổng hợp thì cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng Mẫu này để tổng hợp đề xuất phương án xử lý đối với các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý.

¹ Ghi cụ thể văn bản đề nghị của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

² Tên cơ quan tổng hợp (trong trường hợp có cơ quan tổng hợp).

** Hướng dẫn các chỉ tiêu:*

- Các cột (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9) và (10): Số liệu được tổng hợp từ Mẫu số 01a của từng cơ sở nhà, đất; trong đó:

+ Cột (3) Diện tích đất: Ghi tổng diện tích khuôn viên đất.

+ Cột (4) Diện tích xây dựng nhà: là tổng diện tích chiếm đất của tất cả các ngôi nhà trên khuôn viên cơ sở nhà, đất.

+ Cột (5) Diện tích sàn xây dựng: Ghi tổng diện tích sàn xây dựng các tầng của tất cả ngôi nhà trên khuôn viên cơ sở nhà, đất.

+ Cột (6) Diện tích sàn sử dụng nhà: Ghi tổng diện tích sàn sử dụng của tất cả ngôi nhà trên khuôn viên cơ sở nhà, đất.

* Trường hợp đơn vị kê khai là “không có số liệu” đối với diện tích nhà (cột 4, 5, 6) thì cơ quan tổng hợp cần ghi rõ thông tin tại cột ghi chú (cột 13).

+ Cột (7) Công trình khác gắn liền với đất: Ghi tổng số lượng công trình khác trên khuôn viên cơ sở nhà, đất.

+ Cột (8) Hồ sơ pháp lý: Ghi giấy tờ pháp lý về đất, giấy tờ pháp lý về nhà tương ứng của từng cơ sở nhà, đất.

+ Cột (9) Mục đích sử dụng: Ghi mục đích sử dụng đất theo Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền Ghi mục đích sử dụng đất theo Văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư xây dựng, mua sắm....

+ Cột (10) Hiện trạng sử dụng: Ghi số lượng ngôi nhà; hiện trạng sử dụng của các ngôi nhà trên khuôn viên đất (nêu mục đích sử dụng của các ngôi nhà khác nhau), trường hợp các ngôi nhà sử dụng cùng mục đích thì không cần tách hiện trạng của từng ngôi nhà, trường hợp các ngôi nhà sử dụng đan xen nhiều mục đích thì hiện trạng theo các mục đích đan xen đó.

- Cột (11) Phương án đề xuất: Ghi phương án đề xuất của cơ quan tổng hợp.

- Cột (12) Cơ sở đề xuất phương án: Căn cứ quy định, điều kiện áp dụng của từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 13, khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 16 Nghị định đề thuyết minh cụ thể cơ sở đề xuất phương án.

Phần II: Tài sản khác: Biểu số liệu này chỉ được tổng hợp trong trường hợp trong Báo cáo kê khai và đề xuất phương án tại Mẫu 01a có hình thức “điều chuyển”, “chuyển giao” tài sản khác cùng với nhà, đất. Số liệu tại Biểu này được tổng hợp từ Mẫu số 01a của từng cơ sở nhà, đất.

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Đơn vị A/Cơ sở nhà, đất.....				
1	Tài sản A	Cái/chiếc			
2	Tài sản B...	Cái/chiếc			
II	Đơn vị B/Cơ sở nhà, đất.....				
1	Tài sản A	Cái/chiếc			
2	Tài sản B...	Cái/chiếc			

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TỔNG HỢP
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

BỘ/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ: ...
 TÊN CƠ QUAN LẬP PHƯƠNG ÁN: ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT
 (ÁP DỤNG CHO CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN LẬP PHƯƠNG ÁN)**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ văn bản giao việc lập phương án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP¹;

Căn cứ văn bản đề nghị của cơ quan tổng hợp phương án (kèm Báo cáo tổng hợp đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị);

.....⁽²⁾ lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất như sau:

Phần I: Nhà, đất và công trình khác gắn liền với đất

STT	Đơn vị/địa chỉ nhà, đất	Nhà, đất (m2)				Công trình khác gắn liền với đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng	Hiện trạng sử dụng	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất		Ghi chú
		Diện tích đất	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà					Phương án đề xuất	Cơ sở đề xuất phương án	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Đơn vị A											
1	Cơ sở 1											
2	Cơ sở 2...											
II	Đơn vị B											
1	Cơ sở 1											
2	Cơ sở 2...											
	Tổng cộng											

¹ Ghi cụ thể (số/ngày/tháng/năm) của văn bản.

² Tên cơ quan có thẩm quyền lập phương án.

* *Hướng dẫn các chỉ tiêu:*

- Các cột (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9) và (10): Kê khai thông tin tương tự như Mẫu số 01b.
- Cột (11) Phương án đề xuất của cơ quan lập phương án: Ghi phương án đề xuất của cơ quan lập phương án.
- Cột (12) Cơ sở đề xuất phương án: Căn cứ quy định, điều kiện áp dụng của từng trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 13, khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 16 Nghị định đề thuyết minh cụ thể cơ sở đề xuất phương án.

Phần II: Tài sản khác: Biểu số liệu này chỉ được lập trong trường hợp tại Báo cáo tổng hợp Mẫu 01b có các tài sản khác “điều chuyển”, “chuyển giao” cùng với nhà, đất.

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Đơn vị A/Cơ sở nhà, đất....				
1	Tài sản A	Cái/chiếc			
2	Tài sản B...	Cái/chiếc			
II	Đơn vị B/Cơ sở nhà, đất....				
1	Tài sản A	Cái/chiếc			
2	Tài sản B...	Cái/chiếc			

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HIỆN TRẠNG NHÀ, ĐẤT

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ văn bản giao việc lập phương án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Căn cứ văn bản giao việc chủ trì kiểm tra hiện trạng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP (trong trường hợp cơ quan chủ trì kiểm tra hiện trạng không phải là cơ quan lập phương án);

Căn cứ khác.....

Hôm nay, vào hồi ... giờ ngày ... tháng ... năm

Thành phần tham gia kiểm tra gồm:

1. Đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra¹

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

2. Đại diện cơ quan quản lý cấp trên/cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất²

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

3. Đại diện các cơ quan chức năng có liên quan thuộc địa phương (nơi có cơ sở nhà, đất)³

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

¹ Đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

² Cơ quan có thẩm quyền lập phương án được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

³ Đại diện cơ quan chức năng có liên quan của địa phương bao gồm cả đại diện của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương trong trường hợp kiểm tra hiện trạng nhà, đất tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 03/2025/NĐ-CP.

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

4. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

- Ông/Bà: Chức vụ:Đơn vị:.....

Cùng tiến hành kiểm tra hiện trạng nhà, đất tại địa chỉ:

I. HỒ SƠ PHÁP LÝ VỀ NHÀ, ĐẤT

II. GIẤY TỜ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA HIỆN TRẠNG NHÀ ĐẤT

1. Chỉ tiêu tổng hợp về nhà, đất

a) Tổng diện tích đất: ...m²

b) Tổng số ngôi nhà: ... ngôi

c) Tổng diện tích nhà:

- Tổng diện tích xây dựng nhà:..... m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng nhà: ...m²

- Tổng diện tích sàn sử dụng nhà:.....m²

2. Hiện trạng sử dụng đất¹

- Diện tích sử dụng vào mục đích chính (diện tích đất xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, bao gồm cả diện tích sân, vườn và đường đi nội bộ): ...m²

- Diện tích cho mượn: ...m²

- Diện tích cho thuê: ...m²

- Diện tích đã bố trí làm nhà ở: ...m²

- Diện tích đang bị lấn, chiếm: ...m²

- Diện tích sử dụng vào mục đích khác (ghi cụ thể mục đích sử dụng): ...m²

- Diện tích bỏ trống, chưa sử dụng: ...m²

3. Hiện trạng sử dụng nhà² (m²)

STT	Danh mục tài sản	Số tầng	Diện tích xây dựng nhà	Diện tích sàn xây dựng nhà	Diện tích sàn sử dụng nhà	Hiện trạng sử dụng	Đối tượng sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Ngôi 1							

¹ Tổng diện tích đất tại Mục 2 phải bằng điểm a Mục 1 Phần III

² Tổng diện tích nhà tại các cột (4), (5) và (6) phải bằng tổng diện tích nhà tương ứng tại điểm c Mục 1 Phần III

2	Ngôi 2...						
	Cộng						

4. Hiện trạng công trình khác gắn liền với đất

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tài sản A	Cái/chiếc			
2	Tài sản B....	Cái/chiếc			
	Cộng				

*** Ghi chú:**

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất chịu trách nhiệm về thông tin số liệu đã kê khai nêu trên.

- Thành phần tham gia kiểm tra chịu trách nhiệm về hiện trạng sử dụng nhà, đất tại thời điểm kiểm tra.

IV. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT

.....

V. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ KIỂM TRA HIỆN TRẠNG

.....

VI. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN/CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN LẬP PHƯƠNG ÁN

.....

VII. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG (NƠI CÓ NHÀ, ĐẤT)

.....

Biên bản được lập vào hồi.... giờ..... ngày..... tháng..... năm, bao gồm ... bản có giá trị như nhau, mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thành viên tham gia kiểm tra giữ 01 bản, 02 bản gửi cho cơ quan có thẩm quyền lập phương án.

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN/
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN LẬP PHƯƠNG ÁN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ,
SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT**
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG
CỦA ĐỊA PHƯƠNG¹**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
CHỦ TRÌ KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Bao gồm cả ý kiến của tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định.